

TRUYỀN DẪN THỦY LỰC KHÍ NÉN VÀ HỆ BÔI TRƠN

Đường kính danh nghĩa

TCVN
2145 - 77

Приводы гидравлические
и пневматические и
смазочные системы.
Номинальные диаметры.

Hydrostatic and
pneumatic drives and
lubricating systems
Standarts diameters

Khuyến khích
áp dụng

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho chi tiết các cặp xi lanh chuyển động của các thiết bị truyền dẫn thủy lực (thể tích), khí nén và hệ bôi trơn (pittông, pittông trụ trơn, cần pittông, nòng trượt v.v...).

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các xi lanh lồng.

2. Đường kính phải chọn theo chỉ dẫn trong bảng.

Đường kính danh nghĩa, mm

Dãy cơ bản	Dãy cơ bản	Dãy phụ	Dãy cơ bản	Dãy phụ*	Dãy cơ bản
1,0	10	—	100	—	1 000
—	—	—	—	110	—
—	12	—	125	—	—
—	—	14	—	140	—
—	16	—	160	—	—
—	—	18	—	180	—
20	20	—	200	—	—
—	—	22	—	220	—
2,5	25	—	250	—	—
—	—	28	—	280	—
3,0	32	—	320	—	—
—	—	36	—	360	—

(Tiếp theo)

Đường kính danh nghĩa. mm					
Dây cơ bản	Dây cơ bản	Dây phụ	Dây cơ bản	Dây phụ	Dây cơ bản
4,0	40	—	400	—	—
—	—	45	—	450	—
5,0	50	—	500	—	—
—	—	56	—	560	—
6,0	63	—	630	—	—
—	—	70	—	710	—
8,0	80	—	800	—	—
—	—	90	—	900	—

Chú thích:

1. Khi chọn các đường kính phải ưu tiên chọn dây cơ bản.
2. Các đường kính ghi trong ngoặc, khi thiết kế mới không nên sử dụng.